

THÔNG TƯ
Quy định việc mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt
của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối;

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội,

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung liên quan đến việc mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt (bao gồm tiền giấy, tiền kim loại) của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh qua các cửa khẩu quốc tế của Việt Nam bằng hộ chiếu hoặc bằng các loại giấy tờ khác có giá trị thay cho hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp (sau đây gọi chung là hộ chiếu).

2. Việc mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh qua các cửa khẩu biên giới bằng chứng minh thư biên giới hoặc giấy thông hành xuất nhập cảnh biên giới do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước có chung biên giới cấp được thực hiện theo quy định riêng.

Điều 2. Mức ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt phải khai báo Hải quan cửa khẩu khi xuất cảnh, nhập cảnh

1. Cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh qua các cửa khẩu quốc tế của Việt Nam bằng hộ chiếu mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt trên mức quy định dưới đây phải khai báo Hải quan cửa khẩu:

a) 5.000 USD (Năm nghìn Đôla Mỹ) hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương;

b) 15.000.000 VNĐ (Mười lăm triệu đồng Việt Nam).

2. Trường hợp cá nhân nhập cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt bằng hoặc thấp hơn mức 5.000 USD hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương và có nhu cầu gửi số ngoại tệ tiền mặt này vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của cá nhân mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối (sau đây gọi chung là tổ chức tín dụng được phép), cũng phải khai báo Hải quan cửa khẩu. Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh có xác nhận của Hải quan cửa khẩu về số ngoại tệ tiền mặt mang vào là cơ sở để tổ chức tín dụng được phép cho gửi ngoại tệ tiền mặt vào tài khoản thanh toán.

3. Mức ngoại tệ tiền mặt và đồng Việt Nam tiền mặt quy định phải khai báo Hải quan cửa khẩu quy định tại Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với những cá nhân mang theo các loại phương tiện thanh toán, giấy tờ có giá bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam như séc du lịch, thẻ ngân hàng, sổ tiết kiệm, các loại chứng khoán và các loại giấy tờ có giá khác.

Điều 3. Giấy tờ xuất trình cho Hải quan cửa khẩu khi cá nhân xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt phải khai báo

1. Cá nhân xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt vượt mức qui định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này hoặc vượt quá số mang vào đã khai báo Hải quan cửa khẩu khi nhập cảnh lần gần nhất, phải xuất trình cho Hải quan cửa khẩu:

a) Giấy xác nhận mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt ra nước ngoài (sau đây gọi là Giấy xác nhận) do tổ chức tín dụng được phép cấp phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối; hoặc

b) Văn bản chấp thuận cho cá nhân mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt ra nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

2. Cá nhân xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt vượt mức qui định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư này, nhưng không vượt quá số lượng đã mang vào phải xuất trình cho Hải quan cửa khẩu Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh có xác nhận của Hải quan cửa khẩu về số ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt đã mang vào khi nhập cảnh lần gần nhất, không cần phải có Giấy xác nhận của tổ chức tín dụng được phép.

Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh có xác nhận của Hải quan cửa khẩu về số ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt đã mang vào khi nhập cảnh lần gần nhất chỉ có giá trị cho cá nhân mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt ra nước ngoài khi xuất cảnh lần tiếp theo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ghi trên Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh.

Điều 4. Gửi ngoại tệ tiền mặt vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của cá nhân

Cá nhân nhập cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt có nhu cầu gửi số ngoại tệ này vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của cá nhân mở tại tổ chức tín dụng được phép thực hiện theo quy định sau:

1. Cá nhân xuất trình cho tổ chức tín dụng được phép Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh có xác nhận của Hải quan cửa khẩu về số ngoại tệ tiền mặt mang vào. Khi thực hiện giao dịch cho khách hàng, tổ chức tín dụng được phép đóng dấu xác nhận số ngoại tệ đã nộp vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ trên bản chính Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh, đồng thời lưu giữ 01 bản sao Tờ khai.

2. Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh có xác nhận của Hải quan cửa khẩu chỉ có giá trị cho cá nhân gửi ngoại tệ tiền mặt vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ghi trên Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh.

Điều 5. Cấp Giấy xác nhận và văn bản chấp thuận cho cá nhân mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt ra nước ngoài

1. Thẩm quyền cấp Giấy xác nhận và văn bản chấp thuận cho cá nhân mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt ra nước ngoài:

a) Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc người được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật của tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm cấp Giấy xác nhận cho cá nhân mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt cho các mục đích nêu tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 8 của Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối (theo mẫu tại Phụ lục đính kèm Thông tư này).

b) Ngoài các trường hợp nêu tại điểm a Khoản này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, chấp thuận bằng văn bản cho cá nhân có nhu cầu mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt ra nước ngoài căn cứ vào tình hình thực tế và tính chất cần thiết của từng trường hợp.

2. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng được phép:

a) Quy định cụ thể các loại giấy tờ cần thiết chứng minh cho mục đích, số lượng ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt mang ra nước ngoài; quy trình xem xét, kiểm tra chứng từ và cấp Giấy xác nhận cho cá nhân.

b) Căn cứ quy định của pháp luật và nhu cầu thực tế, hợp lý của từng mục đích để cấp Giấy xác nhận đối với số ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt mang ra nước ngoài của cá nhân hoặc có văn bản trả lời trong trường hợp không cấp Giấy xác nhận trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị kèm theo hồ sơ hợp lệ.

c) Lưu giữ đầy đủ chứng từ theo quy định của pháp luật, hướng dẫn khách hàng các thủ tục liên quan đến chứng từ và yêu cầu khách hàng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các giao dịch đã thực hiện.

Điều 6. Xử lý vi phạm

Cá nhân mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt khi xuất cảnh, nhập cảnh vi phạm các qui định tại Thông tư này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2011.

2. Các Quyết định số 337/1998/QĐ-NHNN7 ngày 10/10/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt khi xuất nhập cảnh; Quyết định số 921/2005/QĐ-NHNN ngày 27/6/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi khoản a và b Điều 1 Quyết định số 337/1998/QĐ-NHNN7 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng được phép, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. ✍

Nơi nhận:

- Như Khoản 3 Điều 7 (để thực hiện);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Hải quan (để phối hợp);
- Ban lãnh đạo NHNN;
- NHNN Chi nhánh tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các TCTD được phép hoạt động ngoại hối;
- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Công báo;
- Lưu VP, Vụ PC, Vụ QLNH.

THỐNG ĐỐC



NGUYỄN VĂN BÌNH

TỔ CHỨC TÍN DỤNG
(Tên tổ chức tín dụng được phép)
Số.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm.....

**GIẤY XÁC NHẬN MANG NGOẠI TỆ TIỀN MẶT,
ĐỒNG VIỆT NAM TIỀN MẶT RA NƯỚC NGOÀI**

Trên cơ sở đề nghị ngày..... tháng..... năm... của:

Ông/Bà:.....
Nơi thường trú:.....
Hộ chiếu số:..... cấp ngày..... tại.....

Ngân hàng chúng tôi xác nhận số ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam dưới đây:

1. Ngoại tệ:

- Số tiền bằng số:.....
- Số tiền bằng chữ:.....
- Nguồn gốc ngoại tệ:
 - Số lượng mua của ngân hàng:.....
 - Số lượng rút từ tài khoản ngoại tệ :.....
 - Từ các nguồn khác:.....

2. Đồng Việt Nam:

- Số tiền bằng số:.....
- Số tiền bằng chữ:.....

mang qua cửa khẩu:.....

Mục đích mang ra nước ngoài:.....

Giấy xác nhận này có hiệu lực đến hết ngày:.....

Ông/Bà..... phải chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của Nhà nước về quản lý ngoại hối trong việc mang ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt ra nước ngoài.

Nơi nhận:

- Cá nhân được cấp Giấy xác nhận;
- Lưu.

TỔNG GIÁM ĐỐC/GIÁM ĐỐC
(hoặc Người được uỷ quyền)
(Ký tên và đóng dấu)